



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số**

4403000108
3800311306

ngày 1 tháng 1 năm 2008
ngày 2 tháng 6 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3800311306 ngày 2 tháng 6 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Văn Khánh
Ông Lê Minh Tuấn
Ông Nguyễn Quang Quyền
Ông Lê Tuấn Hải
Ông Đinh Văn Sơn

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Minh Tuấn
Ông Nguyễn Hùng Lượng
Ông Đinh Văn Sơn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu 5, Phường Thác Mơ
Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Bình Phước, ngày 12 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Ý kiến của kiểm toán viên


Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-01-00293-19-2




Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
kiểm toán số 0436-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		971.951.354.055	1.046.164.089.185
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	39.591.531.743	75.153.275.891
Tiền	111		10.941.531.743	2.862.050.423
Các khoản tương đương tiền	112		28.650.000.000	72.291.225.468
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		707.500.000.000	715.142.638.889
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	707.500.000.000	715.142.638.889
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		219.754.729.555	252.765.226.658
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	167.531.523.563	209.715.459.629
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.142.650.259	2.177.711.293
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		203.000.000	203.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	56.096.975.619	48.888.475.622
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(8.219.419.886)	(8.219.419.886)
Hàng tồn kho	140	10	4.745.900.243	2.807.417.729
Hàng tồn kho	141		4.745.900.243	2.807.417.729
Tài sản ngắn hạn khác	150		359.192.514	295.530.018
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		173.525.229	118.336.584
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		185.667.285	177.193.434

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		632.744.974.860	649.769.372.910
Các khoản phải thu dài hạn	210		203.000.000	406.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215		203.000.000	406.000.000
Tài sản cố định	220		431.420.526.881	451.630.107.659
Tài sản cố định hữu hình	221	11	415.088.405.586	435.000.216.660
Nguyên giá	222		2.517.329.954.671	2.515.345.337.493
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.102.241.549.085)	(2.080.345.120.833)
Tài sản cố định vô hình	227	12	16.332.121.295	16.629.890.999
Nguyên giá	228		20.661.171.225	22.661.171.225
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.329.049.930)	(6.031.280.226)
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.729.241.238	1.724.265.841
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	4.729.241.238	1.724.265.841
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7(b)	185.819.227.032	185.819.227.032
Đầu tư vào công ty liên kết	252		41.169.227.032	41.169.227.032
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		150.860.000.000	150.860.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.210.000.000)	(6.210.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		10.572.979.709	10.189.772.378
Chi phí trả trước dài hạn	261		5.689.000.565	5.224.489.380
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.270.101.044	1.335.349.398
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		3.613.878.100	3.629.933.600
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.604.696.328.915	1.695.933.462.095

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		242.867.619.994	350.571.907.539
Nợ ngắn hạn	310		104.913.693.158	201.907.992.903
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	7.343.541.599	18.685.696.639
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.004.411.732	1.004.411.732
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	38.842.880.940	108.908.455.270
Phải trả người lao động	314		9.485.596.905	30.998.998.735
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	6.150.375.653	3.461.730.411
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	12.384.021.836	13.685.064.959
Vay ngắn hạn	320	18(a)	21.724.656.776	22.014.668.976
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	7.978.207.717	3.148.966.181
Nợ dài hạn	330		137.953.926.836	148.663.914.636
Vay dài hạn	338	17(b)	130.000.000.000	140.709.987.800
Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.745.514.000	2.745.514.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	20	5.208.412.836	5.208.412.836
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.361.828.708.921	1.345.361.554.556
Vốn chủ sở hữu	410	21	1.361.828.708.921	1.345.361.554.556
Vốn cổ phần	411	22	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		56.454.368.091	56.454.368.091
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	129.119.822.947	39.836.280.218
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		431.477.961.159	500.094.105.077
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		298.003.224.119	98.550.327.655
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		133.474.737.040	401.543.777.422
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		44.776.556.724	48.976.801.170
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.604.696.328.915	1.695.933.462.095

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Đâu Đình Trung
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Lê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	253.433.175.042	406.062.453.147
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	85.572.277.545	140.818.156.120
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		167.860.897.497	265.244.297.027
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	24.256.947.866	16.807.929.733
Chi phí tài chính	22		7.348.158.005	7.703.856.154
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.348.158.005	7.703.856.154
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	14.508.993.172	14.375.043.635
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		170.260.694.186	259.973.326.971
Thu nhập khác	31		-	1.488.000
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		-	1.488.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		170.260.694.186	259.974.814.971
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	33.680.410.217	49.494.759.475
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	65.248.354	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		136.515.035.615	210.480.055.496
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		133.474.737.040	206.371.527.292
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.040.298.575	4.108.528.204
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.907	2.948

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Đặng Đình Trung
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	170.260.694.186	259.974.814.971
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	22.194.197.956	47.864.548.869
Các khoản dự phòng	03	-	(107.474.850)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(24.256.947.866)	(16.807.929.733)
Chi phí lãi vay	06	7.348.158.005	7.703.856.154
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	175.546.102.281	298.627.815.411
Biến động các khoản phải thu	09	36.823.498.199	(95.445.610.322)
Biến động hàng tồn kho	10	(1.922.427.014)	1.425.984.891
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(43.598.313.935)	12.227.905.779
Biến động chi phí trả trước	12	(519.699.830)	2.356.485.587
		166.329.159.701	219.192.581.346
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.286.152.161)	(7.928.415.533)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(89.979.771.510)	(42.973.283.115)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	40.000.000	102.920.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.790.824.386)	(7.290.134.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	64.312.411.644	161.103.668.298
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(4.989.592.575)	(2.005.251.241)
Tiền gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(556.000.000.000)	(264.142.638.889)
Tiền rút tiền gửi có kỳ hạn	24	563.845.638.889	260.038.695.055
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	20.435.472.919	14.146.265.705
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	23.291.519.233	8.037.070.630

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019 VND	30/6/2018 VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	-	12.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.000.000.000)	(23.000.000.000)
Tiền trả cổ tức	36	(112.165.675.025)	(110.815.124.840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(123.165.675.025)	(121.815.124.840)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(35.561.744.148)	47.325.614.088
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	75.153.275.891	101.586.601.625
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	39.591.531.743	148.912.215.713

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Đâu Đình Trung
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Lê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) và lợi ích của Nhóm Công ty trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động sản xuất kinh doanh

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng (thủy điện);
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây lắp. Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện; xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Trồng khai thác cây công nghiệp, cây lâm nghiệp;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Dịch vụ nhà nghỉ, dịch vụ du lịch;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của các nhà máy điện;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Khai thác chế biến khoáng sản; và
- Đầu tư xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019, Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết với thông tin chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Loại hình	Tỷ lệ vốn sở hữu tại ngày		Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày	
		30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019
Các công ty con					
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Thủy điện	99,78%	99,78%	99,92%	99,92%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	Thủy điện	61,17%	61,17%	61,17%	61,17%
Các công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Phong điện	20%	20%	20%	20%
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	35%	35%	35%	35%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Nhóm Công ty có 166 nhân viên (1/1/2019: 168 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nhóm Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Công ty liên kết

Các công ty liên kết là những công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn), sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Nhóm Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Nhóm Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	7 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 đến 50 năm.

(ii) Thương hiệu

Giá mua thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận là một tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Nhóm Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Nhóm Công ty.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày báo cáo được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Nhóm Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Do hoạt động kinh doanh thủy điện phụ thuộc vào lượng nước, sản lượng bán điện thông thường sẽ thấp từ tháng 1 đến tháng 6 và cao hơn từ tháng 7 đến tháng 12 hàng năm. Mặt khác, doanh thu bán điện phụ thuộc vào việc phát triển và hoàn thành các dự án thủy điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các điều kiện thị trường tại thời điểm các dự án đi vào hoạt động thương mại.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.389.753.023	211.809.985
Tiền gửi ngân hàng	9.551.778.720	2.650.240.438
Các khoản tương đương tiền	28.650.000.000	72.291.225.468
	<hr/>	<hr/>
	39.591.531.743	75.153.275.891

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 5,5% một năm trong kỳ (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 5,3% đến 5,5% một năm).

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Các khoản đầu tư này hưởng lãi suất năm là 6,5% đến 7,6% một năm trong kỳ (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 6,5% đến 7,5% một năm).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

					30/6/2019		
	Địa chỉ (Thành phố)	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Công ty liên kết</i>							
• Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Bình Thuận	3.260.000	20%	20%	39.769.004.710	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ Thác Mơ	Bình Phước	140.000	35%	35%	1.400.222.322	-	(*)
					41.169.227.032	-	(*)
<i>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</i>							
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh	13.500.000	3%	3%	149.580.000.000	(6.210.000.000)	143.370.000.000
• Công ty Cổ phần Cơ điện điện lực Đồng Nai	Đồng Nai	150.000	10%	10%	1.280.000.000	-	(*)
					150.860.000.000	(6.210.000.000)	
					192.029.227.032	(6.210.000.000)	

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

					1/1/2019		
	Địa chỉ (Thành phố)	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Công ty liên kết</i>							
• Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Bình Thuận	3.260.000	20%	20%	39.769.004.710	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ Thác Mơ	Bình Phước	140.000	35%	35%	1.400.222.322	-	(*)
					41.169.227.032	-	(*)
<i>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</i>							
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh	13.500.000	3%	3%	149.580.000.000	(6.210.000.000)	143.370.000.000
• Công ty Cổ phần Cơ điện điện lực Đồng Nai	Đồng Nai	150.000	10%	10%	1.280.000.000	-	(*)
					150.860.000.000	(6.210.000.000)	
					192.029.227.032	(6.210.000.000)	

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Không có biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong các kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và 30 tháng 6 năm 2018.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty Mua Bán Điện – Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	141.115.229.216	185.392.208.909
Các khách hàng khác	26.416.294.347	24.323.250.720
	<hr/>	<hr/>
	167.531.523.563	209.715.459.629
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty Mua Bán Điện – Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	141.115.229.216	185.392.208.909
Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	10.998.385.297	10.998.385.297
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	6.430.540.164	5.684.041.318
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	4.269.833.636	4.514.122.329
Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất	2.589.676.815	2.144.114.886
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Bên liên quan		
Phải thu Ban quản lý dự án Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng – Ban quản lý Dự án Thủy điện 6 từ việc trả hộ cho dự án	27.267.692.037	27.267.692.037
Phải thu Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.100.901.425	-
Các bên khác		
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	15.243.156.930	11.421.681.983
Các khoản phải thu khác	12.485.225.227	10.199.101.602
	56.096.975.619	48.888.475.622

Các khoản phi thương mại phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

10. Hàng tồn kho

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Nguyên vật liệu	971.433.147	587.191.446
Công cụ và dụng cụ	13.978.202	8.702.892
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.760.488.894	2.211.523.391
	4.745.900.243	2.807.417.729

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	1.634.495.622.359	753.553.464.373	121.228.181.856	6.068.068.905	2.515.345.337.493
Tăng trong kỳ	511.707.178	1.113.110.000	-	359.800.000	1.984.617.178
Số dư cuối kỳ	1.635.007.329.537	754.666.574.373	121.228.181.856	6.427.868.905	2.517.329.954.671
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	1.314.492.639.246	645.593.718.782	114.854.910.558	5.403.852.247	2.080.345.120.833
Khấu hao trong kỳ	16.043.001.544	5.258.025.931	459.234.336	136.166.441	21.896.428.252
Số dư cuối kỳ	1.330.535.640.790	650.851.744.713	115.314.144.894	5.540.018.688	2.102.241.549.085
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	320.002.983.113	107.959.745.591	6.373.271.298	664.216.658	435.000.216.660
Số dư cuối kỳ	304.471.688.747	103.814.829.660	5.914.036.962	887.850.217	415.088.405.586

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 1.783.896 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 1.782.608 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 306.351 triệu VND (1/1/2019: 314.343 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Nhóm Công ty (Thuyết minh 17(b)).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	20.591.971.225	2.000.000.000	69.200.000	22.661.171.225
Giảm khác	-	(2.000.000.000)	-	(2.000.000.000)
Số dư cuối kỳ	20.591.971.225	-	69.200.000	20.661.171.225
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	3.962.080.226	2.000.000.000	69.200.000	6.031.280.226
Khấu hao trong kỳ	297.769.704	-	-	297.769.704
Giảm khác	-	(2.000.000.000)	-	(2.000.000.000)
Số dư cuối kỳ	4.259.849.930	-	69.200.000	4.329.049.930
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	16.629.890.999	-	-	16.629.890.999
Số dư cuối kỳ	16.332.121.295	-	-	16.332.121.295

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 69,2 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 2.069 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	1.724.265.841	1.532.873.358
Tăng trong kỳ	3.004.975.397	189.707.676
	<hr/>	
Số dư cuối kỳ	4.729.241.238	1.722.581.034

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Ban Mai	1.259.500.000	10.076.000.000
Tổng Công ty 789 - Bộ Quốc phòng - CN Miền Trung	1.102.139.189	1.102.139.189
Công Ty TNHH Điện Cơ Côn Minh - Vân Nam Trung Quốc	977.579.771	-
Công Ty TNHH Thương mại và dịch vụ Thiết Bị Công Nghiệp Sài Gòn	887.111.500	-
Các nhà cung cấp khác	3.117.211.139	7.507.557.450
	<hr/>	
	7.343.541.599	18.685.696.639

(b) Phải trả người bán là bên liên quan

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Bên liên quan		
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin (EVNICT)	-	50.400.000
	<hr/>	

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/ cán trừ trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	7.051.152.274	25.243.892.627	(28.907.033.063)	3.388.011.838
Thuế thu nhập doanh nghiệp	80.915.897.425	33.680.410.217	(89.979.771.510)	24.616.536.132
Thuế thu nhập cá nhân	259.066.593	4.282.358.632	(4.509.590.852)	31.834.373
Thuế tài nguyên	5.945.201.152	23.873.013.363	(27.275.156.258)	2.543.058.257
Phí dịch vụ môi trường rừng	7.791.434.326	9.464.819.976	(12.532.057.462)	4.724.196.840
Các loại thuế khác	6.945.703.500	4.198.977.985	(7.605.437.985)	3.539.243.500
	108.908.455.270	100.743.472.800	(170.809.047.130)	38.842.880.940

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Chi phí lãi vay	3.221.178.346	3.159.172.502
Khác	2.929.197.307	302.557.909
	6.150.375.653	3.461.730.411

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Cổ tức phải trả	10.881.095.044	10.265.377.569
Các khoản phải trả khác	1.502.926.792	3.419.687.390
	12.384.021.836	13.685.064.959

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ 1/1/2019 VND	Biến động trong kỳ		Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ 30/6/2019 VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay dài hạn đến hạn trả	22.014.668.976	10.709.987.800	(11.000.000.000)	21.724.656.776

(b) Vay dài hạn

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay dài hạn	151.724.656.776	162.724.656.776
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(21.724.656.776)	(22.014.668.976)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	130.000.000.000	140.709.987.800

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Khoản vay có đảm bảo					
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước					
- Khoản vay 1	VND	9,8%	2024	19.500.000.000	21.000.000.000
- Khoản vay 2	VND	9,3%	2026	130.500.000.000	139.000.000.000
▪ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Gia Lai					
	VND	9,38%	2021	1.724.656.776	2.724.656.776
				151.724.656.776	162.724.656.776

Khoản vay ngân hàng có đảm bảo được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 306.351 triệu VND (1/1/2019: 314.343 triệu VND) (Thuyết minh 10).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.148.966.181	4.482.491.940
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 21)	9.266.488.750	9.151.024.388
Tăng khác	40.000.000	102.920.000
Sử dụng trong kỳ	(4.477.247.214)	(7.268.871.900)
Số dư cuối kỳ	7.978.207.717	6.467.564.428

20. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ này được trích từ thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Nhóm Công ty. Không có biến động của phát triển khoa học và công nghệ trong các kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và 30 tháng 6 năm 2018.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	700.000.000.000	56.454.368.091	6.661.122.638	245.729.721.739	48.828.114.019	1.057.673.326.487
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	206.371.527.292	4.108.528.204	210.480.055.496
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 24)	-	-	33.175.157.580	(33.175.157.580)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(9.004.236.504)	(146.787.884)	(9.151.024.388)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(105.000.000.000)	(6.249.114.000)	(111.249.114.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	700.000.000.000	56.454.368.091	39.836.280.218	304.921.854.947	46.540.740.339	1.147.753.243.595
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	300.783.255.851	2.823.920.110	303.607.175.961
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(611.005.721)	(387.859.279)	(998.865.000)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(105.000.000.000)	-	(105.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	700.000.000.000	56.454.368.091	39.836.280.218	500.094.105.077	48.976.801.170	1.345.361.554.556
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	133.474.737.040	3.040.298.575	136.515.035.615
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 24)	-	-	89.283.542.729	(89.283.542.729)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(9.030.738.229)	(235.750.521)	(9.266.488.750)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(105.000.000.000)	(7.781.392.500)	(112.781.392.500)
Tăng khác	-	-	-	1.223.400.000	776.600.000	2.000.000.000
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	700.000.000.000	56.454.368.091	129.119.822.947	431.477.961.159	44.776.556.724	1.361.828.708.921

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
<hr/>				
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
<hr/>				

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 là 210 tỷ VND, tương đương 3.000 VND trên một cổ phiếu (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 là 189 tỷ VND, tương đương 2.700 VND trên một cổ phiếu). Công ty đã tạm ứng 105 tỷ VND cho các cổ đông vào cuối năm 2018. Theo đó, Công ty đang tiếp tục chi trả khoản cổ tức còn lại là 105 tỷ VND trong năm 2019.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Biến động quỹ đầu tư phát triển trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	39.836.280.218	6.661.122.638
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 21)	89.283.542.729	33.175.157.580
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	129.119.822.947	39.836.280.218

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Doanh thu bán điện	249.017.247.851	397.282.667.647
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	4.415.927.191	8.779.785.500
	<hr/>	<hr/>
	253.433.175.042	406.062.453.147

26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	82.212.155.602	133.815.923.653
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	3.360.121.943	7.002.232.467
	<hr/>	<hr/>
	85.572.277.545	140.818.156.120

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu hoạt động tài chính

Tổng doanh thu hoạt động tài chính thể hiện tổng giá trị lãi tiền gửi.

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	6.496.047.586	8.323.868.190
Chi phí khấu hao và phân bổ	902.255.683	863.728.960
Thuế, phí và lệ phí	53.232.194	54.252.000
Chi phí khác	7.057.457.709	5.133.194.485
	<hr/>	<hr/>
	14.508.993.172	14.375.043.635

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	3.029.020.727	5.059.903.193
Chi phí nhân công	18.190.776.575	23.521.099.971
Chi phí khấu hao và phân bổ	22.194.197.956	47.864.548.869
Thuế tài nguyên	23.873.013.363	35.393.682.698
Phí dịch vụ môi trường rừng	9.464.819.976	14.805.540.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.814.024.699	2.411.783.594
Chi phí sửa chữa lớn	2.929.197.307	6.162.890.759
Chi phí khác	16.586.220.114	19.973.749.987

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	33.616.498.297	49.494.759.475
Bổ sung thuế của những kỳ trước	63.911.920	-
	<hr/>	<hr/>
	33.680.410.217	49.494.759.475
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	65.248.354	-
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	33.745.658.571	49.494.759.475

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	170.260.694.186	259.974.814.971
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	34.052.138.837	51.994.962.994
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(990.471.446)	(2.521.144.246)
Ưu đãi thuế	(504.312.298)	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	41.673.627	20.940.727
Bổ sung thuế của những năm trước	63.911.920	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	1.082.717.931	-
	<hr/>	<hr/>
	33.745.658.571	49.494.759.475

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công ty con của Nhóm Công ty được hưởng các mức ưu đãi thuế khác nhau. Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa được áp dụng thuế suất 10% từ năm 2011 đến năm 2021 và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm, từ năm 2011 đến 2019. Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên được áp dụng thuế suất 10% từ năm 2015 đến năm 2029, miễn thuế từ năm 2015 đến 2018 và giảm 50% trong 9 năm từ năm 2019 đến năm 2027.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) **Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế trong kỳ	133.474.737.040	206.371.527.292
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	133.474.737.040	206.371.527.292

(*) Nhóm Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Nhóm Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lãi thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) **Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ trình bày là 70.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	2.354.251.650	2.130.039.590
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên		
Vay ngắn hạn	-	12.000.000.000
Hoàn trả khoản vay ngắn hạn	-	12.000.000.000
Chi phí lãi vay	-	6.833.333
Cổ tức đã trả	54.512.250.000	54.512.250.000
Mua hàng hóa dịch vụ	52.505.631	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh		
Cổ tức đã trả	44.765.610.000	44.765.610.000
Công ty Mua Bán Điện – Tập đoàn Điện Lực Việt Nam		
Doanh thu bán điện	210.603.762.454	349.466.563.873
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
Doanh thu bán điện	26.063.019.801	26.737.006.153
Mua hàng hóa dịch vụ	111.248.409	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam		
Doanh thu bán điện	12.350.465.596	21.079.097.621
Mua hàng hóa dịch vụ	847.547.316	758.130.251
Cung cấp dịch vụ	-	2.860.000
Ban quản lý dự án thủy điện 6		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	2.310.610.311
Trung tâm Công nghệ thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua hàng hóa dịch vụ	-	49.926.485
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	573.000.000	414.103.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	642.678.690	582.045.988
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Thù lao	1.173.362.000	816.117.250

33. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Nhóm Công ty được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Đâu Đình Trung
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Ê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc